

**HAEWON**



# DÒNG SẢN PHẨM MXC SERIES

**0365.786.230**

**WWW.HAEWON.VN**

# MÁY HÚT HƠI DẦU MXC

thu gom và xử lý sương dầu phát sinh trong quá trình gia công CNC, hỗ trợ duy trì môi trường sản xuất sạch và ổn định hơn.

## MXC Series

- Kích thước nhỏ gọn, dễ dàng lắp đặt, phù hợp với không gian chật hẹp và khả năng sử dụng đa dạng
- Hút toàn bộ sương mù, khói bằng bộ lọc 3 lớp, loại bỏ mùi hôi
- Tối đa hóa độ bền và sự sang trọng bởi chất liệu sơn cao cấp
- Dễ dàng bảo trì máy móc, tiết kiệm chi phí
- Bảo vệ sức khỏe



## Phụ kiện lọc A/F

- Lọc hiệu quả, bảo vệ động cơ
- Luồng khí ổn định, tiết kiệm chi phí
- Dễ dàng thay thế



# MXC SERIES

## LỢI ÍCH VƯỢT TRỘI:

-  Có thể thu hồi dầu đến 99.9% bằng phương pháp tách ly tâm
-  Hiệu quả trong việc thu thập sương dầu hòa tan trong nước, không tan trong nước
-  Cải thiện tốc độ loại bỏ sương mù, rút ngắn thời gian thực tế, có khả năng sử dụng trong 24h
-  Được trang bị hệ thống phân loại sương mù không khí



## NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

- MOTOR VẬN HÀNH TẠO RA LỰC HÚT MẠNH, KÉO KHÔNG KHÍ CHỨA HƠI DẦU, KHÓI BỤI TỪ BUỒNG MÁY CNC VÀO THIẾT BỊ MÁY
- TRONG MÁY CÁC CÁNH QUẠT QUAY TỐC ĐỘ CAO ĐẨY HƠI DẦU TỤ LẠI THÀNH GIỌT DẦU LỚN, SAU ĐÓ DẦU CHẢY THEO ĐƯỜNG ỐNG DẪN NGƯỢC TRỞ LẠI MÁY CNC
- LUỒNG KHÍ SAU KHI TÁCH HƠI DẦU VẪN CÒN BỤI MỊN TIẾP TỤC ĐI QUA MÀNG LỌC, TRƯỚC KHI XẢ RA NGOÀI MÔI TRƯỜNG

## VẬN HÀNH

CÓ THỂ LẮP ĐẶT, CÀI ĐẶT THEO 2 CHẾ ĐỘ LÀ **TỰ ĐỘNG** HOẶC **THỦ CÔNG**

- **CHẾ ĐỘ TỰ ĐỘNG** (KHUYẾN KHÍCH):

ĐẦU NỐI NGUỒN ĐIỆN CỦA MÁY HÚT HƠI DẦU TRỰC TIẾP VÀO TỦ ĐIỆN CỦA MÁY CNC. KHI MÁY CNC KHỞI ĐỘNG VÀ BẮT ĐẦU GIA CÔNG, MÁY HÚT HƠI DẦU SẼ TỰ ĐỘNG BẬT. KHI MÁY CNC DỪNG, MÁY HÚT SẼ TỰ TẮT SAU MỘT KHOẢNG THỜI GIAN TRỄ (THƯỜNG TỪ 3-5 PHÚT) ĐỂ HÚT SẠCH LƯỢNG HƠI DẦU CÒN SÓT LẠI TRONG BUỒNG MÁY

- **CHẾ ĐỘ THỦ CÔNG:**

BẬT CÔNG TẮC NGUỒN CỦA MÁY HÚT HƠI DẦU TRƯỚC KHI MÁY CNC BẮT ĐẦU CẮT GỌT KHOẢNG 1 PHÚT. SAU KHI MÁY CNC DỪNG GIA CÔNG, HÃY ĐỂ MÁY HÚT CHẠY THÊM VÀI PHÚT RỒI MỚI TẮT

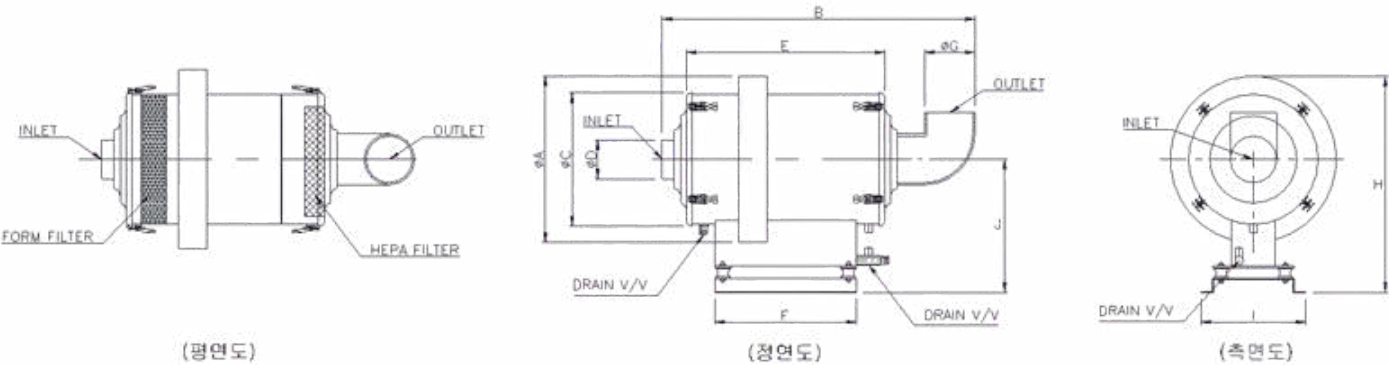
## LẮP ĐẶT

LẮP ĐẶT ĐƠN GIẢN:

CÁC MÁY CNC SẼ CÓ PHẦN CỬA CHỜ ĐỂ LẮP MÁY HÚT HƠI DẦU, THƯỜNG Ở TRÊN NÓC MÁY CNC. HAE WON HỖ TRỢ LẮP ĐẶT SAU KHI MUA HÀNG.

# MXC SERIES

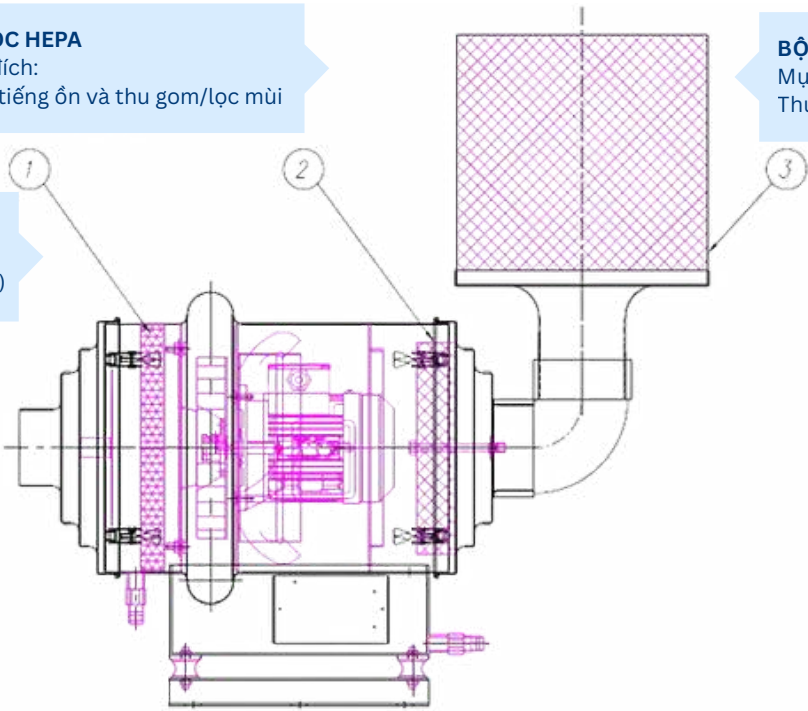
## CẤU TRÚC 2D



**BỘ LỌC HEPA**  
Mục đích:  
Giảm tiếng ồn và thu gom/lọc mùi

**BỘ LỌC FOAM**  
Mục đích:  
Chống xâm nhập bùn cặn/cặn dầu

**BỘ LỌC HẬU/BỘ LỌC PHỤ**  
Mục đích:  
Thu gom/lọc khói mịn - Fume



## PHÂN LOẠI

| Model   | Công suất (kW) | Lưu lượng hút (CMM) | Đường kính ống hút (mm) | Trọng lượng (kg) | Phù hợp cho máy                                            |  |
|---------|----------------|---------------------|-------------------------|------------------|------------------------------------------------------------|--|
| MXC-40  | 0.2            | 4                   | 100                     | 24               | Máy CNC nhỏ, máy tiện mini 1 trục                          |  |
| MXC-50  | 0.4            | 7                   | 100                     | 32               | Máy CNC nhỏ-vừa, máy khoan/tiện cỡ trung                   |  |
| MXC-101 | 0.75           | 12                  | 125                     | 45               | Máy phay CNC 3-4 trục, máy tiện dùng nhiều nước tưới nguội |  |
| MXC-202 | 1.5            | 25                  | 150                     | 55               | Máy phay trung tâm cỡ lớn, máy CNC nhiều khối dầu          |  |
| MXC-303 | 2.2            | 40                  | 200                     | 80               | Xưởng lớn, máy gia công nặng, cần hút mạnh                 |  |

# MXC SERIES

## BẢNG KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM

| Model   | Đầu ra<br>(kw) | Luồng khí<br>(cmm) | Áp lực<br>(mmaq) | Số vòng quay<br>(RPM) | Tiếng ồn<br>(dB) | Lượng vào<br>và ra | Kích thước<br>(mm) |       |     |     |     |     |     |     |     |     | Trọng lượng<br>(kg) |
|---------|----------------|--------------------|------------------|-----------------------|------------------|--------------------|--------------------|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|---------------------|
|         |                |                    |                  |                       |                  |                    | øa                 | b     | øc  | ød  | e   | f   | øg  | h   | i   | j   |                     |
| MXC-40  | 0.2            | 4                  | 150              | 3,500                 | 60±2             | 100                | 350                | 695   | 280 | 98  | 395 | 260 | 125 | 445 | 200 | 270 | 24                  |
| MXC-50  | 0.4            | 7                  | 150              | 3,500                 | 65±2             | 100                | 530                | 775   | 320 | 98  | 440 | 270 | 115 | 330 | 230 | 327 | 33                  |
| MXC-101 | 0.75           | 12                 | 150              | 3,500                 | 68±2             | 125                | 645                | 860   | 385 | 123 | 572 | 324 | 140 | 416 | 280 | 415 | 42                  |
| MXC-202 | 1.5            | 25                 | 150              | 3,500                 | 70±2             | 150                | 698                | 968   | 427 | 148 | 558 | 420 | 165 | 441 | 320 | 441 | 50                  |
| MXC-303 | 2.2            | 40                 | 150              | 3,500                 | 70±2             | 200                | 762                | 1,162 | 445 | 798 | 630 | 470 | 217 | 464 | 370 | 475 | 80                  |

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Thông số                | MXC-40                             | MXC-50       | MXC-101        | MXC-202        | MXC-303     |  |
|-------------------------|------------------------------------|--------------|----------------|----------------|-------------|--|
| Nguồn điện              | 220V / 380V / 440V, 3 pha, 50/60Hz |              |                |                |             |  |
| Công suất (kW)          | 0.2                                | 0.4          | 0.75           | 1.5            | 2.2         |  |
| Dòng điện định mức (A)  | 1.46/0.85/0.73                     | 2.1/1.2/1.05 | 2.80/1.60/1.40 | 5.60/3.20/2.80 | 8.0/4.6/4.0 |  |
| Lưu lượng (CMM)         | 3                                  | 7            | 12             | 25             | 40          |  |
| Áp suất tĩnh (mmAq)     | 150                                | 150          | 150            | 150            | 150         |  |
| A (mm)                  | 350                                | 420          | 480            | 552            | 595         |  |
| B (mm)                  | 700                                | 775          | 920            | 1025           | 1175        |  |
| C (mm)                  | 280                                | 320          | 380            | 430            | 450         |  |
| ØD (mm)                 | 100                                | 100          | 125            | 150            | 200         |  |
| E (mm)                  | 395                                | 460          | 510            | 595            | 670         |  |
| F (mm)                  | 260                                | 350          | 370            | 450            | 500         |  |
| G (mm)                  | 125                                | 125          | 150            | 175            | 225         |  |
| H (mm)                  | 445                                | 535          | 655            | 717            | 760         |  |
| I (mm)                  | 200                                | 260          | 310            | 350            | 400         |  |
| J (mm)                  | 270                                | 330          | 415            | 440            | 465         |  |
| Tốc độ quay (RPM)       | 3.500                              | 3.500        | 3.500          | 3.500          | 3.500       |  |
| Độ ồn [dB(A)]           | 60±2                               | 65±2         | 68±2           | 70±2           | 70±2        |  |
| Hiệu suất thu gom (%)   | 99.997%                            | 99.997%      | 99.997%        | 99.997%        | 99.997%     |  |
| Đường kính đầu hút (mm) | 100                                | 100          | 125            | 150            | 200         |  |
|                         | MXC                                |              |                |                |             |  |
| Trọng lượng (kg)        | 24                                 | 33           | 42             | 50             | 80          |  |

## QUẠT TURBO

- ⚙️ Không gây tiếng ồn
- ★ ★ Hiệu quả sử dụng cao
- 🛡️ Bảo dưỡng dễ dàng

